

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần:** Từ vựng học tiếng Việt

(*Vietnames Lexicology*)

- Mã số học phần: SG 295
- Số tín chỉ học phần: 02
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học.

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn
- Khoa: Sư phạm

**3. Điều kiện tiên quyết:** SG 294

**4. Mục tiêu của học phần:**

**4.1. Kiến thức:**

*Ngữ âm học tiếng Việt* là một môn học cung cấp cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ Văn những kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu về Từ vựng học. Cụ thể:

4.1.1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về Từ vựng như: những khái niệm cơ bản, đối tượng, vị trí, phương pháp nghiên cứu của Từ vựng học.

4.1.2. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết chuyên sâu về từ vựng: các đơn vị từ vựng và cấu tạo; nghĩa của từ; các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa.

4.1.3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lớp từ tiếng Việt trên các tiêu chí phạm vi sử dụng, nguồn gốc, tần số sử dụng. Qua đó, có thể hiểu thêm về tính đa dạng, phong phú của tiếng Việt và phương ngữ từng vùng trên đất nước.

4.1.4. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những ứng dụng của Từ vựng học trong việc sử dụng, học tập, và giảng dạy tiếng Việt.

**4.2. Kỹ năng:**

4.2.1. Phân tích kiểu cấu tạo từ và nghĩa của các đơn vị tương đương từ.

4.2.2. Phân tích nghĩa của từ và sự chuyển nghĩa của nó; phân tích các hiện tượng từ vựng ngữ nghĩa.

4.2.3. Nắm vững và phân tích các loại quan hệ ngữ nghĩa của từ và các lớp từ vựng phân theo nhiều tiêu chí.

4.2.4. Sử dụng chính xác vốn từ vựng tiếng Việt trong văn bản và ngôn bản; vận dụng những kiến thức đã học vào việc giảng dạy Ngữ Văn; góp phần hoàn thiện hệ thống chữ viết.

4.2.5. Nâng cao các kỹ năng: kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin, tài liệu.

### 4.3. Thái độ:

4.3.1. Yêu thích môn học từ việc nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

4.3.2. Thấy được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp; có ý thức học tập, trau dồi năng lực vận dụng ngôn ngữ, sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo.

4.3.3. Nhận thức được sự giàu đẹp của tiếng Việt, từ đó nâng cao lòng yêu quý, trân trọng và góp phần giữ gìn bản sắc của tiếng nói dân tộc.

## 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Từ vựng học tiếng Việt cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng học cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn. Học phần được thiết kế thành 5 chương. Chương 1 mang tính chất dẫn luận, trình bày những kiến thức nền tảng của Từ vựng học: khái niệm cơ bản, đối tượng, vị trí, phương pháp nghiên cứu của Ngữ âm. Chương 2 cung cấp những kiến thức lý thuyết về các đơn vị từ vựng: quan niệm, đặc điểm và các kiểu cấu tạo của từ. Ngoài ra, chương này cũng đi vào nghiên cứu các đơn vị tương đương từ. Chương 3 tập trung làm rõ thành phần ngữ nghĩa và sự chuyển nghĩa của từ ngữ. Chương 4 cung cấp kiến thức về các hiện tượng từ vựng-ngữ nghĩa và các loại quan hệ ngữ nghĩa của từ. Cuối cùng, chương 5 đi vào phân tích các lớp từ vựng phân theo tiêu chí phạm vi sử dụng, nguồn gốc và tần số sử dụng. Qua chương này, người học còn có thể hiểu thêm về tính đa dạng, phong phú của phương ngữ từng vùng trên đất nước.

## 6. Cấu trúc nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
<b>Chương 1. Khái quát về Từ vựng học</b>		
1.1. Khái quát về Từ vựng và Từ vựng học		4.1.1; 4.1.4;
1.2. Mối quan hệ giữa Từ vựng học với các bộ môn ngôn ngữ học khác	2	4.2.4; 4.2.5;
1.3. Phương pháp nghiên cứu		4.3
1.4. Một số khái niệm cơ bản		
<b>Chương 2. Các đơn vị từ vựng tiếng Việt</b>		
2.1. <b>Từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt</b>		4.1.2; 4.1.4
2.1.1. Các quan niệm về từ tiếng Việt		4.2.1; 4.2.4;
2.1.2. Đặc điểm chung của từ tiếng Việt		4.2.5;
2.1.3. Đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt		4.3
2.1.4. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt	10	
2.2. <b>Ngữ cố định</b>		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Phân loại ngữ cố định		
2.2.2.1. Quán ngữ		
2.2.2.2. Thành ngữ		
<b>Chương 3. Nghĩa của từ</b>		.. 4.1.2;
3.1. <b>Các quan niệm về nghĩa của từ</b>		4.1.4;
3.2.1. Nghĩa biểu vật	7	4.2.2; 4.2.4;
3.2.2. Nghĩa biểu niệm		4.2.5;



3.2.3. Nghĩa biểu thái	4.3.
3.2. <b>Sự chuyển nghĩa của từ</b>	
3.3.1. Các dạng chuyển nghĩa của từ	
3.3.2. Phương thức chuyển nghĩa của từ	
3.3.2.1. Phương thức ẩn dụ	
3.3.2.2. Phương thức hoán dụ	
<b>Chương 4. Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b>	
4.1. <b>Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b>	4.1.2; 4.1.4;
4.1.1. Hiện tượng nhiều nghĩa	
4.1.2. Hiện tượng đồng âm	4.2.2; 4.2.4;
4.1.3. Hiện tượng đồng nghĩa	7 4.2.5;
4.1.4. Hiện tượng trái nghĩa	4.3
4.2. <b>Các trường từ vựng tiếng Việt</b>	
4.2.1. Định nghĩa trường từ vựng	
4.2.2. Phân loại trường từ vựng	
<b>Chương 5. Các lớp từ vựng tiếng Việt</b>	
5.1. <b>Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về phạm vi sử dụng</b>	4.1.3; 4.1.4 4.2.3; 4.2.4; 4.2.5;
5.1.1. Thuật ngữ	4.3
5.1.2. Từ nghề nghiệp	
5.1.3. Biệt ngữ	
5.1.4. Tiếng lóng	
5.1.5. Từ địa phương	
5.1.6. Từ toàn dân	4
5.2. <b>Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về nguồn gốc</b>	
5.2.1. Vấn đề nguồn gốc của tiếng Việt	
5.2.2. Từ Thuần Việt	
5.2.3. Từ vay mượn	
5.3. <b>Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về tần số sử dụng</b>	
5.3.1. Lớp từ có tần số sử dụng cao	
5.3.2. Lớp từ có tần số sử dụng thấp	

## 7. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hỏi- đáp; nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp hướng dẫn giải bài tập

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học và chuẩn bị bài ở nhà

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	05%	4.3
2	Điểm bài tập/ bài tập nhóm	- Số bài tập đã làm/số bài tập được giao - Được nhóm xác nhận có tham gia	20%	4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.5 4.3
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết/trắc nghiệm (45 phút)	25%	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1; 4.2.2 4.2.1 đến 4.2.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết - Bắt buộc dự thi	50%	4.1; 4.2; 4.3

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 10. Tài liệu học tập:

STT	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1]	<i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt</i> - Giáo trình đại học Sư phạm, Đỗ Hữu Châu, Nxb Giáo dục, 1981. Số thứ tự trên kệ sách: 495.9228/ Ch125	M006155; M002275; M006218 SP.010618; SP.010626 SP.010605; MOL.029902 MOL.029898; MON.104117
[2]	<i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i> , Đỗ Hữu Châu, Nxb Giáo Dục, 1998 Số thứ tự trên kệ sách: 495.9228/ Ch125	MOL.011576; 2c_280854 SP.014857; MOL.011575 MOL.044738; MON.104128
[3]	<i>Giáo trình từ vựng học Tiếng Việt</i> - Giáo trình Cao đẳng Sư phạm, Đỗ Hữu Châu, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006 Số thứ tự trên kệ sách: 495.9225/ Ch125	SP.012504; SP.012505 MOL.045727; MOL.045728 MON.025088
[4]	<i>Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt</i> , Mai Ngọc Chừ - Vũ Đức Nghiệu - Hoàng Trọng Phiến, Nxb Giáo dục, 1997	SP.015504; SP.015536 SP.015505;
[5]	<i>Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam</i> , Vũ Dung - Vũ Quang Hào - Vũ Thúy Anh, Nxb Văn hóa, 1995	MON.011733



	Số thứ tự trên kệ sách: 398.992203/ D513	
[6]	<i>Bài giảng Từ vựng học tiếng Việt</i> , Nguyễn Thụy Thùy Dương, Đại học Cần Thơ, 2009	
[7]	<i>Từ vựng học tiếng Việt</i> , Nguyễn Thiện Giáp, Nxb ĐH và THCN, 1985 Số thứ tự trên kệ sách: 495.9225/ Gi109	M003397; M003396
[8]	<i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> , Nguyễn Thiện Giáp <i>chủ biên</i> - Đoàn Thiện Thuật - Nguyễn Minh Thuyết, Nxb Giáo dục, 2006	SP.012523; SP.012525; MOL.041799; MOL.041797; MON.023563; DIG.001355
[9]	<i>Kể chuyện thành ngữ tục ngữ</i> , Hoàng Văn Hành, Văn hóa Sài Gòn, 2005. Số thứ tự trên kệ sách: 398.9/ H107	MOL.057558; MOL.057557 MON.035440
[10]	<i>Từ điển đồng âm tiếng Việt</i> , Hoàng Văn Hành, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2001. Số thứ tự trên kệ sách: 495.9223/ H107	REF.004879 MON.018650
[11]	<i>Từ tiếng Việt : Hình thái - Cấu trúc - Từ láy - Từ ghép - chuyển loại</i> , Hoàng Văn Hành - Hà Quang Năng - Nguyễn Văn Khang, Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2008. Số thứ tự trên kệ sách: 495.92281/ H107	MON.038907
[12]	<i>Tiếng Việt: Máy vấn đề về ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa</i> , Cao Xuân Hạo, Nxb Giáo dục, 2003. Số thứ tự trên kệ sách: 495.9225/ H108	MOL.045466; MOL.045463 MOL.045460; MON.024955 MON.024958
[13]	<i>Phương ngữ Nam Bộ: Những khái niệm về từ vựng - ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc Bộ</i> , Trần Thị Ngọc Lang, Nxb KHXH, 1995. Số thứ tự trên kệ sách: 495.9227/ L106	MOL.014661; MOL.014660 MON.007767
[14]	<i>Bài giảng từ vựng tiếng Việt</i> , Nguyễn Thị Thu Thủy, Trường Đại học Cần Thơ, 2000 Số thứ tự trên kệ sách: 495.9225/ Th523	M015475; M015479; MOL.011699; MON.031931 MOL.011697; MON.031926

### 11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<b>Chương 1: Khái quát về Từ vựng học</b> 1.1. Khái niệm Từ vựng và Từ vựng học 1.2. Mối quan hệ giữa Từ vựng- ngữ	2	- Nghiên cứu Chương 1- tài liệu [6]; Phần mở đầu- tài liệu [1] và Chương 1- tài liệu [3]. - Về nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị



	<p>nghĩa với các bộ môn ngôn ngữ học khác</p> <p>1.3 Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.4. Một số khái niệm nền tảng</p>		<p>bài cho tuần sau: Chương 2- tài liệu [6]; Chương 7- Phần 3- tài liệu [4].</p>
2	<p><b>Chương 2: Các đơn vị từ vựng tiếng Việt</b></p> <p>2.1. Từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt</p> <p>2.1.1. Các quan niệm về từ tiếng Việt</p> <p>2.1.2. Đặc điểm chung của từ tiếng Việt</p> <p>2.1.3. Đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: nghiên cứu mục 2.1, từ mục 2.1.1 đến 2.1.3 của tài liệu [6]; Chương 2- tài liệu [3].</p> <p>- Về nhà: nghiên cứu Chương 1 và 2 của tài liệu [1]; Mục A- Chương 4 của tài liệu [8].</p>
3	<p>2.1.4. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt</p> <p>2.1.4.1. Từ đơn</p> <p>2.1.4.2. Từ phức</p> <p>2.1.4.2.1. Từ ghép</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: nghiên cứu mục 2.1.4- tài liệu [6]; Chương 2- tài liệu [3].</p> <p>- Nghiên cứu tài liệu [2] và tài liệu [7]; Chương 4- tài liệu [11];</p> <p>- Về nhà: Xem lại Chương 2- tài liệu [1];</p>
4	<p>2.1.4. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt</p> <p>2.1.4.2.1. Từ ghép (tiếp theo)</p> <p>2.1.4.2.2. Từ láy</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: nghiên cứu mục 2.1.4- tài liệu [6]; Chương 2- tài liệu [3].</p> <p>- Nghiên cứu tài liệu [2] và tài liệu [7]; Chương 3- tài liệu [11].</p> <p>- Về nhà: làm bài tập Chương 1- tài liệu [14]; bài tập Chương 2- tài liệu [3]</p>
5	<p>2.2. Ngữ cố định</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Phân loại ngữ cố định</p> <p>2.2.2.1. Quán ngữ</p> <p>2.2.2.2. Thành ngữ</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: nghiên cứu mục 2.2 của tài liệu [6]; Chương 2- tài liệu [3]; Chương 3- tài liệu [1].</p> <p>- Nghiên cứu tài liệu [5] và [9];</p> <p>- Về nhà: tiếp tục làm bài tập Chương 1- tài liệu [14] và bài tập Chương 2- tài liệu [3]</p>
6	<p>2.2.2.2. Thành ngữ (tiếp theo)</p> <p>- Làm bài tập nhóm</p> <p>- Ôn tập Chương 2</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu mục 2.2 của tài liệu [6] và tài liệu [5], tài liệu [9].</p> <p>- Về nhà: tiếp tục làm bài tập Chương 1- tài liệu [14]; bài tập Chương 2- tài liệu [3].</p>
7	<p><b>Chương 3: Nghĩa của từ</b></p> <p>3.1. Các quan niệm về nghĩa của từ</p> <p>3.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>3.2.1. Nghĩa biểu vật</p> <p>3.2.2. Nghĩa biểu niệm</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 3- tài liệu [6]; Chương 3- tài liệu [3]; Chương 7- tài liệu [4], tài liệu [1].</p> <p>- Về nhà: bài tập Chương 2- tài liệu [14]; bài tập Chương 3- tài liệu [3].</p>
8	<p>3.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>3.2.2. Nghĩa biểu niệm (tiếp theo)</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu Chương 3- tài liệu [6]; Chương 3- tài</p>



	<p>3.2.3. Nghĩa biểu thái</p> <p>3.3. Sự chuyển nghĩa của từ</p> <p>3.3.1. Các dạng chuyển nghĩa của từ</p> <p>3.3.2. Phương thức chuyển nghĩa của từ.</p> <p>3.3.2.1. Phương thức ẩn dụ</p>		<p>liệu [3].</p> <p>- Nghiên cứu Chương 7- tài liệu [1].</p> <p>- Về nhà: xem bài tập Chương 2- tài liệu [14]; bài tập Chương 3- tài liệu [3].</p>
9	<p>3.3.2. Phương thức chuyển nghĩa của từ.</p> <p>3.3.2.1. Phương thức hoán dụ</p> <p>- Giải bài tập</p> <p>- Ôn tập Chương 1, Chương 2, Chương 3</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 3- tài liệu [6]; Chương 3- tài liệu [3], Chương 7- tài liệu [1].</p> <p>- Về nhà: Ôn tập Chương 1, Chương 2, Chương 3; giải bài tập Chương 1,2 của tài liệu [14], bài tập Chương 2,3 của tài liệu [3].</p>
10	<p><b>- Thi giữa kỳ</b></p> <p><b>Chương 4: Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b></p> <p>4.1. Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</p> <p>4.1.1. Hiện tượng nhiều nghĩa</p>	2	<p>- Thi giữa kỳ</p> <p>- Nghiên cứu Chương 8- tài liệu [1]; Chương 5- tài liệu [3].</p>
11	<p><b>Chương 4: Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b></p> <p>4.1. Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</p> <p>4.1.2. Hiện tượng đồng âm</p> <p>4.1.3. Hiện tượng đồng nghĩa</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 4- tài liệu [6]; Chương 5- tài liệu [3],</p> <p>- Nghiên cứu Chương 7- tài liệu [1]; Phần B- Chương 4 của tài liệu [8]; Chương 10, 11, 12 của tài liệu [1], Chương 15- tài liệu [4].</p> <p>- Về nhà: xem bài tập Chương 3- tài liệu [14]; bài tập Chương 5- tài liệu [3]</p>
12	<p>4.1.3. Hiện tượng đồng nghĩa (tiếp theo)</p> <p>4.1.4. Hiện tượng trái nghĩa</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 4- tài liệu [6]; Chương 5- tài liệu [3]; Chương 10, 11- tài liệu [1]</p> <p>- Đọc lại Chương 4- tài liệu [8], giải bài tập Chương 3- tài liệu [14]; Chương 5- tài liệu [3]</p>
13	<p>4.2. Các trường từ vựng tiếng Việt</p> <p>4.2.1. Định nghĩa trường từ vựng</p> <p>4.2.2. Phân loại trường từ vựng</p> <p>Giải bài tập Chương 4</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 9- tài liệu [1]; nghiên cứu Chương 4- tài liệu [3];</p> <p>- Về nhà: ôn tập bài tập Chương 3- tài liệu [14]; bài tập Chương 5- tài liệu [3]</p>
14	<p><b>Chương 5: Các lớp từ vựng tiếng Việt</b></p> <p>5.1. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về mặt phạm vi sử dụng</p> <p>5.1.1. Thuật ngữ</p> <p>5.1.2. Từ nghề nghiệp</p> <p>5.1.3. Biệt ngữ</p> <p>5.1.4 Tiếng lóng</p> <p>5.1.4. Từ địa phương</p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: Chương 5- tài liệu [6]; Phần 4- tài liệu [1]; Chương 6, 7 của tài liệu [3];</p> <p>- Về nhà: xem bài tập Chương 4- tài liệu [14]; bài tập Chương 6- tài liệu [3]</p>

15	<p>5.1.5. Từ toàn dân</p> <p>5.2. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về nguồn gốc</p> <p>5.2.1. Vấn đề nguồn gốc của tiếng Việt (Từ Thuần Việt và Từ vay mượn)</p> <p>5.3. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về tần số sử dụng</p> <p><b>Tổng ôn tập</b></p>	2	<p>- Chuẩn bị bài: nghiên cứu mục 5.1.5 và 5.2, 5.3 của tài liệu [6]; đọc tài liệu [13]; Chương 7- tài liệu [3].</p> <p>- Nghiên cứu Phần thứ nhất của tài liệu [11], Phần thứ nhất của tài liệu [4]; Phần C- Chương 4 của tài liệu [8]</p> <p>- Về nhà: Tổng ôn tập các chương mục của tài liệu [6].</p>
16	<b>Thi cuối kỳ</b>		

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2014

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA**



**Nguyễn Văn Nờ**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRẦN VĂN MINH**